



STAY HUNGRY FOR SUCCESS

29.01.2026

MARKET INSIGHTS REPORT

THỊ TRƯỜNG CÓ SỰ ĐỒNG THUẬN VỀ ĐỘ RỘNG

NỘI DUNG CHÍNH

03 Chuyển động thị trường

05 TTCK Việt Nam – góc nhìn giao dịch thị trường

06 Phân tích kỹ thuật
Thị trường cân bằng và phân hóa cao

07 Hỗ trợ và kháng cự cổ phiếu trong ngày

07 Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến

08 Danh mục khuyến nghị mua bán của Smart Invest

08 Tin tức kinh tế vĩ mô

09 Biểu đồ trong ngày

10 TTCK Mỹ
Dự báo các chỉ số chính sẽ tăng hoặc giảm nhẹ vào phiên tối nay

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	377
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	188
Số cổ phiếu giảm giá	125
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	64

HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	209
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	80
Số cổ phiếu giảm giá	66
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	63

UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	340
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	152
Số cổ phiếu giảm giá	96
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	92

GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	75,054.98	95,693.08	(20,638.10)
% KL toàn thị trường	10.38%	13.23%	
Giá trị	3,689,079	4,152,543	(463,464)
% GT toàn thị trường	14.50%	16.32%	

HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	2,144.92	6,313.43	(4,168.51)
% KL toàn thị trường	10.38%	13.23%	
Giá trị	68,200	170,932	(102,732)
% GT toàn thị trường	3.95%	9.91%	

UPCOM

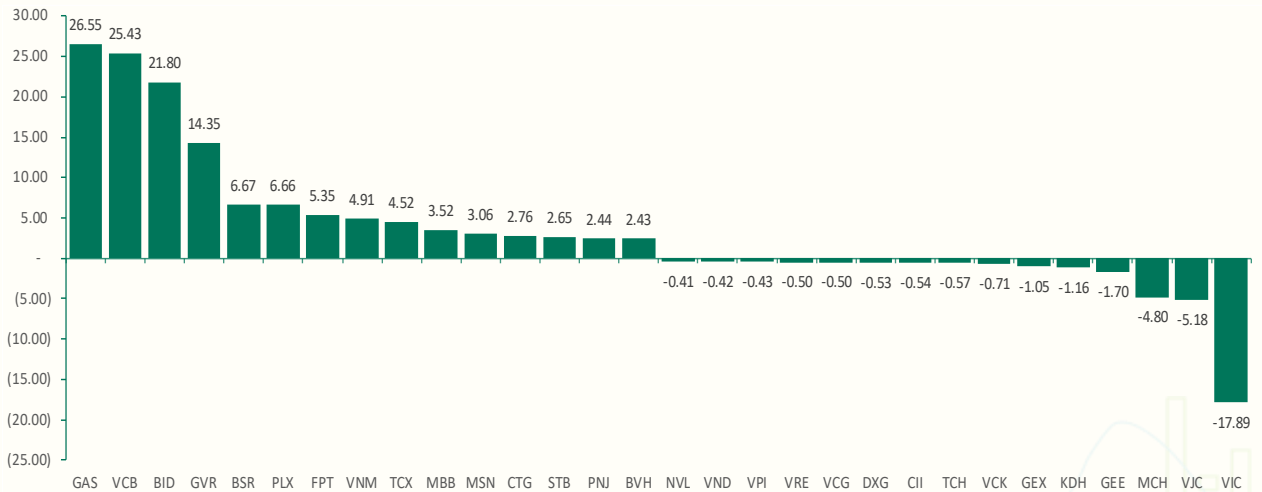
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	665.00	1,047.97	(382.97)
% KL toàn thị trường	1.25%	1.96%	
Giá trị	19,293	51,082	(31,790)
% GT toàn thị trường	1.93%	5.12%	

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VIC	6,992,500	140,500	0 (0%)	60.17	3.37	2,335	1,086,556
2	VCB	7,855,400	69,800	200 (0.29%)	13.94	2.62	5,008	583,226
3	VHM	6,368,800	107,000	2,700 (2.59%)	17.10	1.87	6,259	439,493
4	BID	7,082,200	51,900	0 (0%)	13.34	2.17	3,890	364,409
5	CTG	10,027,200	38,300	-100 (-0.26%)	6.17	1.21	6,207	297,474
6	GAS	3,705,700	116,800	-1,200 (-1.02%)	22.62	4.25	5,163	281,833
7	TCB	8,593,000	34,900	400 (1.16%)	9.76	1.38	3,576	247,310
8	VPB	8,246,800	27,650	-100 (-0.36%)	9.14	1.22	3,024	219,373
9	MBB	19,308,300	26,700	150 (0.56%)	6.71	1.51	3,980	215,068
10	HPG	27,608,700	27,100	400 (1.5%)	12.56	1.63	2,157	208,005

TỔP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI VN-INDEX



TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH

Ngành	% Index (Đ)	% Index (YTD)	Số mã
Tất cả	+0.56%	+7.13%	1,574
▼ Tài chính	-0.03%	+7.18%	106
→ Tổ chức tín dụng	-0.01%	+8.00%	29
→ Dịch vụ tài chính	-0.11%	+3.22%	66
→ Bảo hiểm	-0.07%	+9.52%	13
→ Bất động sản	+0.67%	+12.89%	130
▼ Công nghiệp	+0.20%	-1.28%	390
→ Vận tải	-0.06%	+1.77%	117
→ Hàng hóa công nghiệp	+0.54%	-6.06%	221
→ Dịch vụ thương mại và chuyên nghiệp	+1.90%	-6.88%	52
▼ Tiêu dùng thiết yếu	+2.61%	-2.64%	165
→ Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	+2.62%	+2.62%	152
→ Thương mại hàng thiết yếu	+3.10%	+2.90%	9
→ Sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình	-0.02%	+6.88%	4
→ Nguyên vật liệu	+3.64%	+17.89%	279
→ Tiện ích	-0.51%	+24.83%	150
▼ Dịch vụ truyền thông	-2.58%	+70.50%	41
→ Dịch vụ viễn thông	-2.68%	+75.22%	18
→ Truyền thông và giải trí	+0.49%	-1.88%	23
▼ Tiêu dùng không thiết yếu	+2.73%	-2.95%	183
→ Thương mại hàng không thiết yếu	+4.11%	+6.81%	64
→ Dịch vụ tiêu dùng	+1.04%	-2.34%	36
→ Thời trang và hàng tiêu dùng	+2.02%	+3.86%	70
→ Xe và linh kiện	-0.48%	-0.02%	13
→ Năng lượng	-0.92%	+35.11%	54
▼ Công nghệ thông tin	+1.36%	+9.61%	16
→ Phần mềm và dịch vụ	+1.46%	+10.52%	9
→ Phần cứng và thiết bị	-3.88%	+30.24%	7
▼ Chăm sóc sức khỏe	-0.05%	+2.44%	58
→ Dược phẩm, công nghệ sinh học và khoa học sự sống	+0.22%	+2.48%	47
→ Thiết bị và dịch vụ chăm sóc sức khỏe	-2.67%	+2.18%	11

Thị trường có sự đồng thuận về độ rộng

Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa tăng 12.07 điểm (+ 0.67%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

(1) Thương mại hàng không thiết yếu, nguyên vật liệu, thực phẩm đồ uống và thuốc lá, thời trang và hàng lâu bền, phần mềm dịch vụ, bất động sản, hàng hóa công nghiệp... là nhóm tăng giá nhiều nhất trong ngày. Đà tăng được dẫn dắt bởi các cổ như MWG, DGW, FRT, PNJ, VVS, HPG, GVR, KSV, MSR, DCM, DDV, DPM, MSN, VHC, ANV, VNM, MML, TNG, VGT, MSH, TNG, VGG, FPT, VHM, VRE, CRV, NVL, GEX, VGC, PC1... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) DGW tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "White Opening Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ DGW đang hình thành sóng 5 tăng giá với mục tiêu 55;
- ✓ CTCP Thế Giới Số vừa báo cáo doanh thu quý 4/2025 ở mức kỷ lục 8.2 ngàn tỷ đồng, tăng 40% so với cùng kỳ năm trước. Thông tin được tiết lộ thông qua bài đăng tại fanpage Facebook của doanh nghiệp;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 55%;

(ii) MWG tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "White Opening Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng trên mở ra và giá bám biên dải băng – Tín hiệu tích cực;
- ✓ MWG đang vận động theo mô hình VCP và đang ở điểm Pivot. NĐT nên chú ý cổ phiếu này khi xác suất có Break out và đảo độ dốc tăng giá với sóng 5 có mục tiêu 130 – Đây là cổ phiếu chúng tôi khuyến nghị đầu tư trung hạn;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 52%;

(iii) DDV tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "White Opening Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Sau khi hoàn thành 5 sóng tăng và 3 sóng ABC giảm giá, DDV đang vận động kiểu ZIGZAG ABC để tạo đáy – Quá trình này đang hoàn thiện;
- ✓ Quý 4/2025, DDV ghi nhận kết quả kinh doanh ấn tượng với lợi nhuận sau thuế đạt khoảng 137,8 - 138 tỷ đồng, tăng gấp 1,4 - 2,3 lần so với cùng kỳ năm trước;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 63%;

(iv) VHC tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "White Closing Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá thiết lập mốc cao mới trong 3 tháng – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Dải băng co mở ra và giá bám biên dải băng trên – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Sản lượng xuất khẩu năm 2025 chịu áp lực bởi thuế quan của Mỹ và tình trạng thiếu hụt nguồn cung cá nguyên liệu, chúng tôi kỳ vọng nhu cầu sẽ phục hồi mạnh trong năm 2026 khi tác động của việc nhập hàng trước áp thuế trước đó hạ nhiệt và nguồn cung cá với kích thước đạt chuẩn xuất khẩu phục hồi, được hỗ trợ bởi nhu cầu ổn định tại các thị trường chính của VHC.
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 55%;

(v) TNG tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "White Opening Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ TNG thiết lập sóng 5 tăng giá dài hạn với mục tiêu 24;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 56%;

(2) Dịch vụ viễn thông, năng lượng, tiện ích, dịch vụ tài chính, bảo hiểm, vận tải... là nhóm giảm giá nhiều nhất trong ngày. Đà giảm được dẫn dắt bởi các cổ như VGI, BSR, PLX, PVT, PVD, OIL, GAS, POW, NT2, VIX, VCK, VPX, VND, SHS, PVI, ACV, VJC, VTP ... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) VGI giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "Black Opening Marubozu";
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu đang trong sóng 4 giảm giá với mục tiêu 100 – 113;
- ✓ Đây là cổ phiếu khuyến nghị đầu tư trung hạn trong báo cáo Q3/2025 của chúng tôi và chúng tôi khuyến nghị NĐT chốt lời và khóa lãi;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 55%;

(ii) BSR giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "Small Black Candle";
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ BSR đang ở vùng giá mục tiêu sóng 5 là 24 – 27;
- ✓ Crack Spread tăng giá trở lại là thông tin hỗ trợ đà tăng của cổ phiếu;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 56%;

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT: Chỉ số quay lại mốc 1,800 điểm

VN-Index dưới góc nhìn kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Long White Candle”. Khối lượng giao dịch giảm và nằm dưới mức trung bình 20 ngày. Theo lý thuyết, thì giá tăng khối lượng giao dịch giảm không phải là mô hình tăng giá có sự hỗ trợ của khối lượng – Tín hiệu không quá tích cực.

Các điểm cần lưu ý:

(i) NĐT nước ngoài bán ròng hơn 591 tỷ đồng (Tính cả 3 sàn). Tốp mua ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: MSN, FPT, PNJ, HPG, GVR, VNM, DGW, VHC, BSR, TCX... Tốp bán ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: VIC, ACB, VCB, MWG, GAS, VJC, CTG, HDB, SHS, PLX. Hôm nay, tư doanh, cá nhân trong nước và tổ chức trong nước là nhóm mua ròng còn cá nhân nước ngoài và tổ chức nước ngoài bán ròng.

(ii) VN-Index tăng trở lại nhờ VHM và VIC ngừng giảm trong ngày hôm nay. Trong bối cảnh hiện tại, chúng tôi cho rằng việc dự đoán điểm số sẽ thiếu ý nghĩa bởi ảnh hưởng của nhóm VINCOM hiện tại đang quá lớn. Chúng ta nên nhìn độ rộng với sự đồng thuận tăng giá của thị trường sẽ tốt hơn. Hôm nay, dòng tiền có sự đồng thuận với đà tăng giá tới từ nhóm bán lẻ và các nhóm ngành xuất khẩu (Do hiệu ứng của việc nâng cấp lên đối tác chiến lược toàn diện giữa Việt Nam và EU). Như vậy, chừng nào sự đồng thuận càng lớn thì điều đó vẫn là hiệu ứng tích cực cần có của thị trường lúc này.

Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 03 mã cho tín hiệu mua, 07 mã cho tín hiệu bán, 20 mã cho tín hiệu đi ngang. Các mã FPT, GAS, MSN...cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất giảm điểm là 50% và 100% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số giao dịch không rõ tăng hay giảm điểm với giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa vào phiên giao dịch ngày thứ 6. Hỗ trợ và kháng cự lần lượt là 1,700- 1,850 điểm.

Biểu đồ chỉ số VN-Index



Biểu đồ cổ phiếu MWG



HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	560.43	560.03	560.83	YES	566.2	571.16	576.93	581.89	555.47	549.7	544.74	538.97
HNINDEX	252.7	252.69	252.71	YES	254.37	256.02	257.69	259.34	251.05	249.38	247.73	246.06
UPINDEX	128.37	128.33	128.4	YES	128.72	129	129.35	129.63	128.09	127.74	127.46	127.11
VN30	2013.04	2010.07	2016.01	NO	2025.07	2031.16	2043.19	2049.28	2006.95	1994.92	1988.83	1976.8
VNINDEX	1809.14	1806.22	1812.06	NO	1820.97	1826.95	1838.78	1844.76	1803.16	1791.33	1785.35	1773.52
VNXALL	2912.02	2906.35	2917.69	NO	2940.85	2958.33	2987.16	3004.64	2894.54	2865.71	2848.23	2819.4
VN30FIM	2018.73	2015.55	2021.92	NO	2031.47	2037.83	2050.57	2056.93	2012.37	1999.63	1993.27	1980.53
VN30FIQ	2018.8	2016.7	2020.9	NO	2027.2	2031.4	2039.8	2044	2014.6	2006.2	2002	1993.6
VN30F2M	2015.47	2012.95	2017.98	NO	2025.53	2030.57	2040.63	2045.67	2010.43	2000.37	1995.33	1985.27
VN30F2Q	2018.37	2017.55	2019.18	YES	2030.63	2041.27	2053.53	2064.17	2007.73	1995.47	1984.83	1972.57
BCM	66.03	66.05	66.02	YES	66.97	67.93	68.87	69.83	65.07	64.13	63.17	62.23
ACB	23.9	23.95	23.85	NO	24.05	24.3	24.45	24.7	23.65	23.5	23.25	23.1
BID	51.9	51.9	51.9	YES	52.8	53.7	54.6	55.5	51	50.1	49.2	48.3
BVH	68.33	67.95	68.72	NO	70.07	71.03	72.77	73.73	67.37	65.63	64.67	62.93
CTG	38.43	38.5	38.37	NO	38.77	39.23	39.57	40.03	37.97	37.63	37.17	36.83
FPT	105.67	105.45	105.88	NO	107.63	109.17	111.13	112.67	104.13	102.17	100.63	98.67
GVR	39.87	39.38	40.36	NO	41.83	42.82	44.78	45.77	38.88	36.92	35.93	33.97
GAS	115.53	114.9	116.17	NO	119.77	122.73	126.97	129.93	112.57	108.33	105.37	101.13
HDB	28.08	28.2	27.97	NO	28.37	28.88	29.17	29.68	27.57	27.28	26.77	26.48
HPG	27	26.95	27.05	NO	27.2	27.3	27.5	27.6	26.9	26.7	26.6	26.4
LPB	41.88	41.97	41.79	NO	42.27	42.83	43.22	43.78	41.32	40.93	40.37	39.98
MBB	26.65	26.63	26.67	YES	27	27.3	27.65	27.95	26.35	26	25.7	25.35
MSN	83.1	82.6	83.6	NO	86	87.9	90.8	92.7	81.2	78.3	76.4	73.5
MWG	88.1	87.4	88.8	NO	90.9	92.3	95.1	96.5	86.7	83.9	82.5	79.7
PLX	57.63	57.6	57.67	YES	58.87	60.03	61.27	62.43	56.47	55.23	54.07	52.83
SAB	49.97	49.8	50.13	NO	50.93	51.57	52.53	53.17	49.33	48.37	47.73	46.77
SSB	17.38	17.35	17.42	NO	17.52	17.58	17.72	17.78	17.32	17.18	17.12	16.98
SHB	15.92	15.9	15.93	NO	16.03	16.12	16.23	16.32	15.83	15.72	15.63	15.52
SSI	31.2	31.23	31.17	YES	31.45	31.75	32	32.3	30.9	30.65	30.35	30.1
TCB	34.68	34.58	34.79	NO	35.22	35.53	36.07	36.38	34.37	33.83	33.52	32.98
STB	63.27	63.5	63.03	NO	63.93	65.07	65.73	66.87	62.13	61.47	60.33	59.67
TPB	16.83	16.9	16.77	NO	16.97	17.23	17.37	17.63	16.57	16.43	16.17	16.03
VHM	106.17	105.75	106.58	NO	108.23	109.47	111.53	112.77	104.93	102.87	101.63	99.57
VCB	69.73	69.7	69.77	YES	70.87	71.93	73.07	74.13	68.67	67.53	66.47	65.33
VIB	17.5	17.5	17.5	YES	17.6	17.7	17.8	17.9	17.4	17.3	17.2	17.1
VJC	165.97	166.95	164.98	NO	170.93	177.87	182.83	189.77	159.03	154.07	147.13	142.17
VIC	140.33	140.25	140.42	YES	142.17	143.83	145.67	147.33	138.67	136.83	135.17	133.33
VPB	27.82	27.9	27.73	NO	27.98	28.32	28.48	28.82	27.48	27.32	26.98	26.82
VNM	70.03	69.5	70.57	NO	72.17	73.23	75.37	76.43	68.97	66.83	65.77	63.63
VRE	29.68	29.52	29.84	NO	30.32	30.63	31.27	31.58	29.37	28.73	28.42	27.78

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
MSN	24,722,400	7,632,280	324	5.79
MWG	15,892,000	6,029,620	264	4.68
PNJ	6,501,500	2,342,250	278	6.75
MSR	6,269,400	2,704,150	231.84	13.4
ORS	5,734,400	1,366,180	420	2.53
ANV	5,703,600	1,474,540	387	5.55
TNG	4,375,800	1,488,900	293.89	8.81
VHC	4,208,700	1,410,660	298	6.56
KSB	3,059,000	1,297,740	236	0.87
MML	1,215,600	248,530	489.12	9.69
VIP	1,126,400	358,050	315	-2.09
BIC	917,400	242,270	379	6.61
FUEVFNVD	820,900	388,700	211	0.91
VVS	804,900	96,810	831	6.98
TDH	632,700	123,330	513.01	1.62
MZG	567,600	162,260	350	3.88
NSH	493,300	90,800	543	8.33
KVC	473,900	219,290	216	0
BIG	429,400	141,050	304	11.76
NHH	372,700	116,350	320.33	-3.45
GCF	354,500	98,010	362	0
VRC	350,500	92,070	381	-3.78
DST	347,400	156,210	222	4.95
BMC	319,700	45,820	698	6.83
MTA	311,700	22,360	1394.01	15.44
ADS	275,800	94,480	292	5.93
VIN	261,100	20	1,305,500	-7.3
ONE	244,700	32,240	759	8.99
FUEVN100	230,600	86,940	265	2.56
HOM	229,300	59,630	385	-4.26
SWC	226,700	11,140	2,035	9.54
FCM	192,700	41,550	464	6.2
CMX	191,900	91,330	210	1.78
SDT	172,400	31,910	540	12.5
HVX	172,000	35,220	488	-6.8
MGC	164,600	27,790	592	14.39
POS	131,300	47,280	278	5.36
TOS	128,500	55,680	231	-2.71
GHC	97,600	13,620	717	0.68
TCR	80,900	5,220	1,550	6.95

- Lưu ý: MSN, MWG...có khối lượng giao dịch đột biến lớn

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
29-Jan	DGW	Mua	≤ 48.5	10% -20%	Sóng 5 tăng giá đang hình thành
29-Jan	ANV	Mua	≤ 29	10% -20%	Sóng 5 tăng giá đang hình thành

Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **MỞ MUA 02 CỔ PHIẾU MỚI**;

Tin tức kinh tế, vĩ mô

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 28/01, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 25.088 VND/USD, giảm tiếp 10 đồng so với phiên trước đó. Tỷ giá mua giao ngay được niêm yết ở mức 23.884 VND/USD, cao hơn 50 đồng so với tỷ giá sàn. Tỷ giá bán giao ngay được niêm yết ở mức 26.292 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với tỷ giá trần. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 26.065 VND/USD, tiếp tục giảm mạnh 65 đồng so với phiên 27/01. Tỷ giá trên thị trường tự do giảm tới 150 đồng ở chiều mua vào và 140 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 26.350 VND/USD và 26.390 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 28/01, lãi suất chào bình quân LNH VND tăng 0,08 – 0,40 đpt ở các kỳ hạn ngắn trong khi không thay đổi ở kỳ hạn 1M so với phiên trước đó, giao dịch tại: ON 6,20%; 1W 6,70%; 2W 6,78% và 1M 7,40%. Lãi suất chào bình quân LNH USD giảm 0,01 – 0,02 đpt ở các kỳ hạn ON và 1W trong khi tăng 0,01 – 0,05 đpt ở các kỳ hạn còn lại; giao dịch tại: ON 3,61%; 1W 3,67%; 2W 3,74%, 1M 3,81%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp biến động trái chiều, chốt phiên với mức: 3Y 3,17%; 5Y 3,62%; 7Y 3,70%; 10Y 4,06%; 15Y 4,19%.
- Nghịệp vụ thị trường mở:** Trên kênh cầm cố phiên 28/01, NHNN chào thầu 6.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 7 ngày và 4.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 56 ngày, lãi suất đều ở mức 4,5%. Tất cả khối lượng này đều trúng thầu. Có 4.460,28 tỷ đồng đáo hạn. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN. Như vậy, hôm qua, NHNN bơm ròng 5.539,72 tỷ đồng ra thị trường. Có 308.310,99 tỷ đồng lưu hành trên kênh cầm cố.
- Thị trường trái phiếu:** Phiên 28/01, KBNN đấu thầu thành công 8.435 tỷ đồng/14.500 tỷ đồng TPCP gọi thầu, tương đương tỷ lệ trúng thầu đạt 58%. Trong đó, kỳ hạn 10Y trúng thầu 8.235 tỷ đồng/12.000 tỷ đồng gọi thầu, kỳ hạn 15Y trúng thầu 200 tỷ đồng/1.000 tỷ đồng gọi thầu. Kỳ hạn 5Y và 30Y gọi thầu lần lượt 1.000 tỷ đồng và 500 tỷ đồng, tuy nhiên, không có khối lượng trúng thầu ở cả 2 kỳ hạn. Lãi suất trúng thầu kỳ hạn 10Y là 4,04% (+0,02 đpt), 15Y là 4,12% (không đổi).

Cách thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).

Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:

- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm "Uncle": Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;

BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY

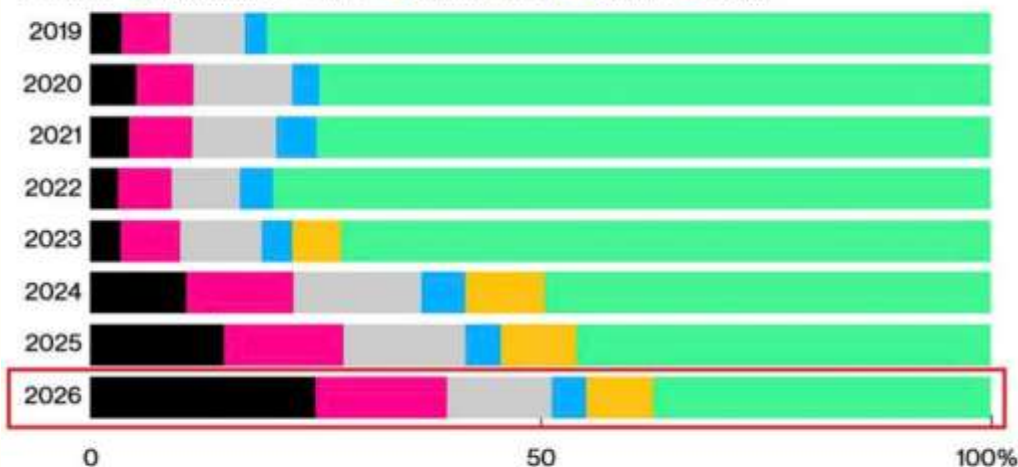
Chi phí sản xuất tấm pin mặt trời đang tăng vọt do bạc

Hiện nay, bạc chiếm tỷ trọng kỷ lục 29% tổng chi phí sản xuất tấm pin mặt trời. Điều này đánh dấu sự tăng vọt đáng kể so với mức 15% của năm ngoái, khi giá bạc đã tăng hơn gấp ba lần. Để so sánh, tỷ lệ này lần lượt là 11% và 3% vào năm 2024 và 2023. Do đó, bạc đã trở thành thành phần đóng góp lớn nhất vào chi phí sản xuất tấm pin mặt trời, vượt qua nhôm, thủy tinh và nhựa. Các nhà sản xuất tấm pin mặt trời đang tăng giá và đẩy nhanh kế hoạch thay thế bạc bằng các vật liệu rẻ hơn như đồng. Đợt tăng giá lịch sử của bạc đang làm thay đổi nền kinh tế.

Silver's Surging Share of Solar Panel Costs

Rising silver prices are adding costs for panel producers

■ Silver ■ Aluminum ■ Glass ■ Silicon metal ■ Resins ■ Other

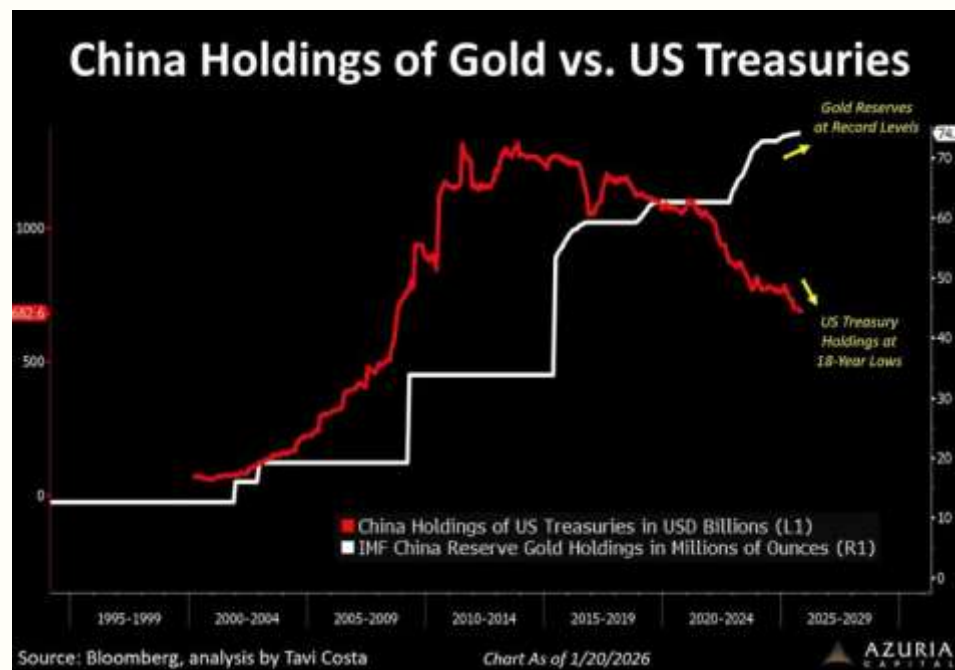


Source: BloombergNEF

Note: Other includes processing costs and profits

Trung Quốc đang bán tháo trái phiếu kho bạc Mỹ và tích trữ vàng

Trữ lượng vàng của Trung Quốc đã đạt 74,1 triệu ounce, mức cao nhất mọi thời đại. Đồng thời, lượng trái phiếu kho bạc Mỹ mà Trung Quốc nắm giữ đã giảm mạnh xuống còn 682,6 tỷ USD, mức thấp nhất trong 18 năm. Trung Quốc đã cắt giảm dự trữ ngân sách nhà nước hơn 600 tỷ đô la kể từ mức đỉnh năm 2013. Đồng thời, dự trữ vàng của đất nước đã tăng hơn gấp đôi. Trung Quốc đang tích cực đa dạng hóa nguồn lực tài chính, chuyển hướng khỏi các tài sản định giá bằng đô la Mỹ sang các tài sản hữu hình. Dự kiến xu hướng này sẽ còn tăng tốc.



Source: Bloomberg, analysis by Tavi Costa

Chart As of 1/20/2026

AZURIA CAPITAL

TTCK MỸ

FED vẫn tiếp tục giữ nguyên lãi suất và thể hiện tính độc lập của mình

NVIDIA – Tín hiệu tăng giá quay trở lại



OKLO với mô hình Break out Bullish Falling Wedge – Tín hiệu tích cực



Meta bay cao với tin tức lợi nhuận quý



S&P 500 thiết lập mốc cao mọi thời đại



Kết luận: Dự báo các chỉ số chính sẽ tăng điểm vào phiên giao dịch tối nay.



(*)Bản quyền: Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác. Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest.

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng. Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào. Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.

CTCP Chứng khoán Smart Invest (AAS)

 <https://www.aas.com.vn>
 1900 1811
 trungtamcskh@aas.com.vn



TRẢI NGHIỆM NGAY

